



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH – THƯƠNG MẠI
TÂY NINH**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	14 - 38

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần du lịch – thương mại Tây Ninh và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số: 178/QĐ-UB; ngày 28/12/1982 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh và Quyết định số: 329/QĐ-CT, ngày 13/04/2005 về việc triển khai cổ phần hóa Công ty Du lịch Tây Ninh và Quyết định số: 259/QĐ-UBND, ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900244068 ngày 05 tháng 02 năm 2007, do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp. Thời gian hoạt động của Công ty là 30 năm.

Trong quá trình hoạt động Công ty được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh thay đổi lần đầu ngày 15 tháng 02 năm 2011 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 45.702.089.498 VND

Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ủy ban nhân dân Tỉnh Tây Ninh	35.442.300.000	77,40
Các cổ đông khác	10.259.789.498	22,60
Cộng	45.702.089.498	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
Điện thoại : (84-0) 3828645
Fax : (84-0) 3828645
E-mail : Tanitour.com.vn
Mã số thuế : 3900244068

Các công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh	Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Vận chuyển du khách, hàng hóa, vật tư bằng phương tiện cáp treo, kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu vật tư thiết bị hàng hóa nông sản, kinh doanh dịch vụ du lịch.	51,00%	51,00%
Công ty cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh	Số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Thương mại – Dịch vụ	53,87% (trong đó 51% trực tiếp, 2,87% gián tiếp)	53,87%
Công ty cổ phần lữ hành Tây Ninh	Số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Kinh doanh dịch vụ du lịch.	86,41% (trong đó 84,61% trực tiếp, 1,80% gián tiếp)	86,41%



Các công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh (*)	59 Hoàng Lê Kha, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.	Sản xuất nước khoáng.	27,65% (trong đó 20% trực tiếp, 7,65% gián tiếp)	27,65%
Công ty cổ phần gạch ngói Tây Ninh.	Km28 Quốc lộ 22B, xã Long Thành Nam, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất gạch ngói.	36,26%	36,26%

- (*) Công ty cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh đang làm các thủ tục thanh lý, giải thể do hoạt động không hiệu quả. Đến thời điểm kiểm toán thủ tục giải thể của Công ty này vẫn chưa hoàn tất.

Hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh mua bán các loại bia, nước ngọt
- Thực hiện các dịch vụ liên quan đến nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Doanh thu năm nay tăng 30.417.177.433 VND tương đương 20% so với năm ngoái do năm nay số lượng khách hàng của hoạt động du lịch và khách sạn tăng mạnh so với năm ngoái.

Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định năm nay tăng 7.723.248.302 VND so với năm ngoái là do năm nay Công ty cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh bán phần lớn tài sản cố định cho Ban quản lý Khu di tích lịch sử văn hóa danh thắng và du lịch núi Bà Đen theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Tỉnh Tây Ninh tại các Công văn số 2779/UBND-KTTC ngày 02 tháng 11 năm 2010 và 1219/UBND-KTTC ngày 10 tháng 06 năm 2011.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 38).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Hữu Phước	Chủ tịch	06 tháng 12 năm 2011	-
Ông Nguyễn Thái Bình	Chủ tịch	27 tháng 02 năm 2007	06 tháng 12 năm 2011
Ông Lê Văn Liêm	Phó Chủ tịch	17 tháng 01 năm 2007	-
Ông Trần Cảnh Lạc	Thành viên	17 tháng 05 năm 2008	-
Bà Nguyễn Thị Sứ	Thành viên	17 tháng 01 năm 2007	-
Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên	06 tháng 12 năm 2011	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Hữu Phước	Tổng Giám đốc	14 tháng 12 năm 2011	-
Ông Lê Văn Liêm	Phó Tổng Giám đốc	27 tháng 02 năm 2007	-
Ông Nguyễn Thái Bình	Tổng Giám đốc	27 tháng 02 năm 2007	14 tháng 12 năm 2011



Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

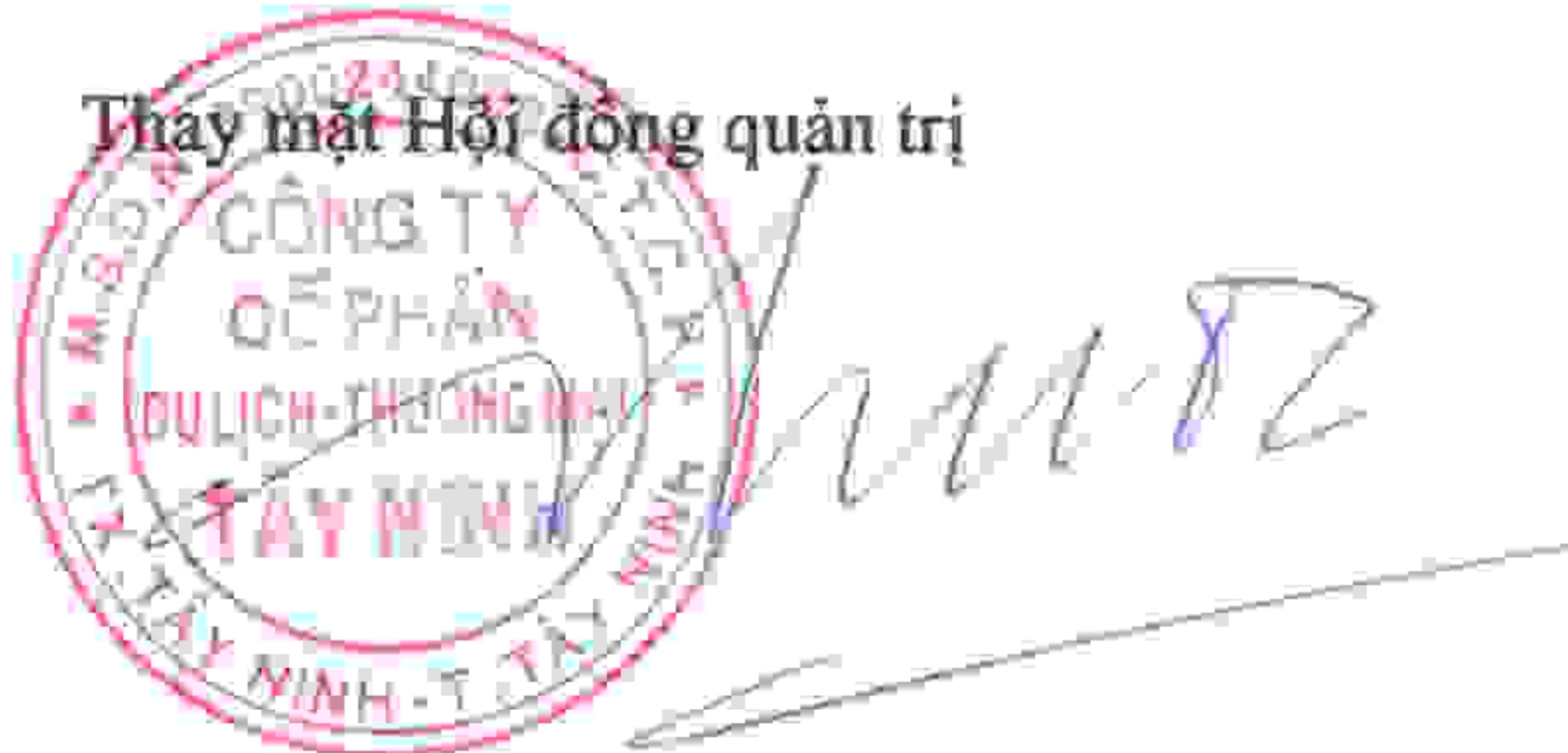
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Lê Hữu Phước
Chủ tịch

Ngày 6 tháng 4 năm 2012



Số: 0400/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

**Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2012, từ trang 07 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2010 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 29 tháng 01 năm 2011 có dạng ý kiến ngoại trừ. Các ngoại trừ liên quan đến: (1) Công ty không điều chỉnh hồi tố khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung liên quan đến giai đoạn từ ngày 5 tháng 2 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, (2) phạm vi kiểm toán bị giới hạn do thiếu bằng chứng để đánh giá tính hợp lý của số dự phòng giám giá đầu tư tài chính dài hạn được Công ty trích lập cho khoản đầu tư vào Công ty nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh, (3) phạm vi kiểm toán bị giới hạn do không được bổ nhiệm kiểm toán 2 công ty con là Công ty cổ phần cáp treo núi Bà Tây Ninh và Công ty cổ phần khách sạn Hòa Bình Tây Ninh.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn về phạm vi kiểm toán

Chúng tôi chỉ được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán cho Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh (Công ty mẹ) với tỷ trọng tài sản chiếm 36%, nợ phải trả chiếm 23% và tổng doanh thu chiếm 51% so với các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Các công ty kiểm toán độc lập khác đã kiểm toán các công ty con của Công ty là Công ty cổ phần khách sạn Hòa Bình Tây Ninh, Công ty cổ phần cáp treo núi Bà Tây Ninh và Công ty cổ phần lữ hành Tây Ninh với tỷ trọng tài sản chiếm 64%, nợ phải trả chiếm 77% và tổng doanh thu chiếm 49% so với các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các công ty kiểm toán này đã phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính của Công ty cổ phần khách sạn Hòa Bình Tây Ninh và Công ty cổ phần lữ hành Tây Ninh với ý kiến chấp nhận toàn phần, Công ty cổ phần cáp treo núi Bà Tây Ninh với ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc Công ty này trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh trên cơ sở chưa phù hợp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh dùng để hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bằng 70% giá trị khoản đầu tư tương đương số tiền là 1.400.000.000 VND do Công ty này đang chuẩn bị giải thể vì hoạt động không hiệu quả. Công ty cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh chọn tỷ lệ xác định tổn thất là 70% dựa trên tỷ lệ chênh lệch giữa giá trị ước tính của các tài sản dự định thanh lý của Công ty Cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh và tổng vốn đầu tư ban đầu của Công ty này. Tuy nhiên tại thời điểm phát hành báo cáo này, các thủ tục thanh lý, giải thể của Công ty Cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh vẫn chưa hoàn tất. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng đầy đủ và thích hợp để có thể đánh giá tính hợp lý của tỷ lệ tổn thất 70% mà Công ty cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh đã chọn cũng như ảnh hưởng của số liệu này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Phùng Thị Quang Thái - Phó Tổng Giám đốc
 Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0094 /KTV



Dương Hồng Phúc - Kiểm toán viên
 Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0093/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 4 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		181.555.981.067	141.958.293.281
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	162.329.962.168	21.040.834.316
1. Tiền	111		13.762.984.174	9.455.405.087
2. Các khoản tương đương tiền	112		148.566.977.994	11.585.429.229
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	100.240.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	100.240.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.645.565.264	7.781.918.274
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	1.187.041.491	3.229.539.053
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.522.631.185	1.608.914.482
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	2.935.892.588	2.989.364.739
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(45.900.000)
IV. Hàng tồn kho	140		10.107.142.013	8.353.534.994
1. Hàng tồn kho	141	V.5	10.107.142.013	8.353.534.994
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.473.311.622	4.542.005.697
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	205.690.171	61.182.840
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		260.588.316	146.136.148
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	192.707.674	537.549.784
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	2.814.325.461	3.797.136.925

47

TNG

HIỆM

4 TĐ

U V

HC

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.243.737.160	24.191.951.598
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		12.067.038.734	15.349.757.461
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	10.143.974.071	13.962.120.061
<i>Nguyên giá</i>	222		82.618.630.377	93.931.630.706
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(72.474.656.306)	(79.969.510.645)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	225.000.000	225.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		225.000.000	225.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.698.064.663	1.162.637.400
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.951.538.996	7.051.182.501
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	4.951.538.996	7.001.182.501
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	50.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.225.159.431	1.791.011.636
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	2.466.478.736	1.402.299.516
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	758.680.695	188.712.120
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	200.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		201.799.718.228	166.150.244.879

31/12/2011
 TỶ
 ƯU HÃI
 VÀ
 LỢI
 CHỈ NH

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		27.473.994.436	23.771.168.980
I. Nợ ngắn hạn	310		26.002.201.675	22.522.499.701
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.15	1.473.095.714	2.242.857.444
3. Người mua trả tiền trước	313		136.898.122	247.578.051
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	10.499.311.223	6.226.768.465
5. Phải trả người lao động	315	V.17	4.561.771.712	6.480.968.260
6. Chi phí phải trả	316	V.18	664.120.389	519.014.075
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	7.470.631.484	5.686.510.793
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	1.196.373.031	1.118.802.613
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.471.792.761	1.248.669.279
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		125.000.000	84.450.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	1.291.537.470	1.164.219.279
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		55.255.291	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		174.325.723.792	142.379.075.899
I. Vốn chủ sở hữu	410		104.833.948.457	88.462.335.123
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	45.702.089.498	45.702.089.498
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	987.223
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	24.841.886.134	21.842.116.835
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	5.565.375.048	3.849.274.513
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	28.724.597.777	17.067.867.054
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CÔ ĐỒNG THIÊU SỐ	439		69.491.775.335	53.916.740.776
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		201.799.718.228	166.150.244.879



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		4.402	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Tây Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2012



Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng



Lê Hữu Phước
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	179.020.899.254	148.603.721.821
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	252.823.426	215.338.112
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	178.768.075.828	148.388.383.709
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	103.760.499.700	84.116.070.695
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		75.007.576.128	64.272.313.014
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	21.890.567.879	13.360.729.634
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	118.384.277	74.105.329
Trong đó: chi phí lãi vay	23		93.384.277	74.105.329
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	20.038.534.296	23.892.435.581
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.828.382.818	10.800.881.776
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		65.912.842.616	42.865.619.962
11. Thu nhập khác	31	VI.7	8.052.469.883	329.221.581
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.100.522.923	45.626.237
13. Lợi nhuận khác	40		3.951.946.960	283.595.344
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.9	(1.712.423.505)	960.253.582
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		68.152.366.071	44.109.468.888
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	16.757.222.960	10.719.694.470
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(569.968.575)	(62.640.223)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>51.965.111.685</u>	<u>33.452.414.641</u>
19.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số			23.936.838.404	15.430.465.256
19.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			<u>28.028.273.282</u>	<u>18.021.949.385</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>6.133</u>	<u>3.943</u>

Tây Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2012


Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng

Lê Hữu Phước
Tổng Giám đốc

4102
CỔ
TRÁCH N
KIỂM
TL
3/7/12

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		68.152.366.071	44.109.468.888
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7, V.8	1.378.875.498	2.101.482.253
- Các khoản dự phòng	03		(45.900.000)	(127.338.105)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.716.692.911)	(13.104.351.013)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	93.384.277	74.105.329
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		53.862.032.935	33.053.367.352
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.405.228.447	(1.166.673.276)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.753.607.019)	1.898.123.190
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(13.807.015.405)	(5.718.245.327)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.208.686.551)	97.460.195
- Tiền lãi vay đã trả	13		(93.384.277)	(74.105.329)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(12.521.720.476)	(10.719.694.470)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.20, V.22	(5.126.915.417)	(4.167.824.936)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.755.932.238	13.202.407.399
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7	(1.909.683.277)	(2.321.540.148)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.712.423.505)	(98.061.732.038)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	VI.9	102.339.643.505	960.253.582
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.432.868.891	12.144.097.431
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		121.150.405.614	(87.278.921.173)

47442
 CÔNG TY
 TÀI CHÍNH
 TOÁN
 VĂN
 HỒ G

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.20	15.200.000.000	14.585.987.689
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13, V.20	(15.200.000.000)	(14.585.987.689)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.617.210.000)	(228.510.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(1.617.210.000)</u>	<u>(228.510.500)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		141.289.127.852	(74.305.024.274)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	21.040.834.316	95.345.858.590
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>162.329.962.168</u>	<u>21.040.834.316</u>

Tây Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2012.


 Võ Phước Hồng
 Kế toán trưởng


 Lê Hữu Phước
 Tổng Giám đốc


BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập Theo Quyết định số 259/QĐ/UBND ngày 27 tháng 3 năm 2006 của UBND tỉnh Tây Ninh. Tiền thân của Công ty là Công ty Du lịch Tây Ninh thuộc UBND tỉnh Tây Ninh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900244068, đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ hai: ngày 15 tháng 02 năm 2011 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại – Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh mua bán và thực hiện các dịch vụ liên quan đến nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 85 nhân viên đang làm việc, số cuối năm trước là 82 nhân viên.
5. **Tổng số các công ty con: 3**
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 3.
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0.

6. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh	Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Vận chuyển du khách, hàng hóa, vật tư bằng phương tiện cấp treo, kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu vật tư thiết bị hàng hóa nông sản, kinh doanh dịch vụ du lịch.	51,00%	51,00%
Công ty cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh	Số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Thương mại – Dịch vụ	53,87% (trong đó 51% trực tiếp, 2,87% gián tiếp)	53,87%
Công ty cổ phần lữ hành Tây Ninh	Số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Kinh doanh dịch vụ du lịch.	86,41% (trong đó 84,61% trực tiếp, 1,80% gián tiếp)	86,41%

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất
Không có.

8. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh (*)	59 Hoàng Lê Kha, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.	Sản xuất nước khoáng.	27,65% (trong đó 20% trực tiếp, 7,65% gián tiếp)	27,65%
Công ty cổ phần gạch ngói Tây Ninh.	Km28 Quốc lộ 22B, xã Long Thành Nam, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất gạch ngói.	36,26%	36,26%

(*) Công ty cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh đang làm các thủ tục thanh lý, giải thể do hoạt động không hiệu quả. Đến thời điểm kiểm toán thủ tục giải thể của Công ty này vẫn chưa hoàn tất.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của các Công ty này chưa được kiểm toán.

9. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu năm nay tăng 30.417.177.433 VND tương đương 20% so với năm ngoái do năm nay số lượng khách hàng của hoạt động du lịch và khách sạn tăng mạnh so với năm ngoái.

Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định năm nay tăng 7.723.248.302 VND so với năm ngoái là do năm nay Công ty cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh bán phần lớn tài sản cố định cho Ban quản lý Khu di tích lịch sử văn hóa danh thắng và du lịch núi Bà Đen theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Tỉnh Tây Ninh tại các Công văn số 2779/UBND-KTTC ngày 02 tháng 11 năm 2010 và 1219/UBND-KTTC ngày 10 tháng 06 năm 2011.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là năm tài chính thứ 05 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần du lịch – thương mại Tây Ninh (công ty mẹ) và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

47Ac
15 T
IÊN HI
TOÁN
VẤP
101

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 40
Máy móc và thiết bị	6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...), quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

13. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

15. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương hiện tại thời điểm thôi việc.

16. Nguồn vốn kinh doanh***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	<u>Mục đích</u>	<u>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

100
CỔ
TRÁCH N
KIỂM
T
1/11

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

436B
NG T
KIỂM HƯ
TOÁN
Y VẤN
HOC

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

HÀNG
VÀ
TÂY NINH

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.431.661.442	1.121.896.268
Tiền gửi ngân hàng	12.331.322.732	8.333.508.819
Các khoản tương đương tiền (*)	148.566.977.994	11.585.429.229
Cộng	<u>162.329.962.168</u>	<u>21.040.834.316</u>

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng.

2. Phải thu khách hàng

Phải thu các khách hàng sử dụng dịch vụ nhà hàng, khách sạn và du lịch.

3. Trả trước cho người bán

Là các khoản ứng trước cho các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	20.000.000	337.220.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	1.349.911.113	2.222.917.082
Phải thu khác	1.565.981.475	429.227.657
Cộng	<u>2.935.892.588</u>	<u>2.989.364.739</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.360.767.538	1.614.283.774
Công cụ, dụng cụ	3.360.786.295	2.993.417.075
Hàng hóa	5.384.552.841	3.744.798.806
Hàng gửi bán	1.035.339	1.035.339
Cộng	<u>10.107.142.013</u>	<u>8.353.534.994</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí in vé	61.182.840	-
Chi phí công cụ	18.842.419	-
Chi phí sửa chữa	39.750.000	-
Chi phí khác	85.914.912	61.182.840
Cộng	<u>205.690.171</u>	<u>61.182.840</u>

7. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Là thuế thu nhập cá nhân nộp thừa

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	383.164.750	404.696.510
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.120.131.344	3.043.411.048
Tài sản thiếu chờ xử lý	311.029.367	349.029.367
Cộng	<u>2.814.325.461</u>	<u>3.797.136.925</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	37.248.228.649	46.751.180.586	5.449.939.835	1.360.583.222	3.121.698.414	93.931.630.706
Tăng trong năm	205.028.242	94.546.364	833.404.362	55.010.546	-	1.187.989.514
Mua sắm mới	-	94.546.364	54.000.000	55.010.546	-	203.556.910
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản	205.028.242	-	779.404.362	-	-	984.432.604
Giảm do thanh lý trong năm	(8.230.706.264)	(115.173.500)	(2.819.049.272)	(846.867.004)	(489.193.803)	(12.500.989.843)
Số cuối năm	<u>29.222.550.627</u>	<u>46.730.553.450</u>	<u>3.464.294.925</u>	<u>568.726.764</u>	<u>2.632.504.611</u>	<u>82.618.630.377</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản khác</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	23.700.000	-	1.040.171.188	-	209.345.281	1.273.216.469
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	27.420.392.717	46.298.389.256	3.999.699.687	1.163.633.337	1.087.395.648	79.969.510.645
Khấu hao trong năm	723.317.942	141.866.764	423.643.388	81.217.084	8.830.320	1.378.875.498
Giảm do thanh lý trong năm	(5.971.288.657)	(106.395.711)	(1.630.728.990)	(832.800.836)	(332.515.643)	(8.873.729.837)
Số cuối năm	22.172.422.002	46.333.860.309	2.792.614.085	412.049.585	763.710.325	72.474.656.306
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	9.827.835.932	452.791.330	1.450.240.148	196.949.885	2.034.302.766	13.962.120.061
Số cuối năm	7.050.128.625	396.693.141	671.680.840	156.677.179	1.868.794.286	10.143.974.071
<i>Trong đó:</i>						
<i>Tạm thời chưa sử dụng</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Đang chờ thanh lý</i>	-	-	-	-	-	-

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất của khu nhà ở thuộc Khu dân cư phường 4, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	225.000.000
Tăng trong năm	-
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	225.000.000
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	-
Số cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	225.000.000
Số cuối năm	225.000.000
<i>Trong đó:</i>	
<i>Tạm thời chưa sử dụng</i>	-
<i>Đang chờ thanh lý</i>	-

31/02/2012
**CÔNG
 TY CỔ PHẦN
 DU LỊCH –
 THƯƠNG MẠI
 TÂY NINH**
 KIỂM T
 TỬ
 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Giảm khác trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí mua sắm tài sản cố định	-	779.404.362	(779.404.362)	-	-
Công trình cấp nước thô Khu du lịch Núi Bà	89.710.000	-	-	(89.710.000)	-
Chi phí san lấp mặt bằng trạm Mộc Bài	184.404.747	-	-	-	184.404.747
Giá trị xây lắp móng nhà nghỉ sườn núi	53.161.000	-	-	(53.161.000)	-
Xây lắp lan can hàng Cây Sung	43.395.500	-	-	(43.395.500)	-
Chi phí đo đạc lập bản đồ KDL Ma Thiên Lãnh	165.000.000	-	-	-	165.000.000
Chi phí đo đạc nhà phòng kinh doanh	5.334.000	-	-	-	5.334.000
Chi phí xây dựng hệ thống cáp treo mới	597.324.503	605.299.128	-	-	1.202.623.631
Lệ phí thẩm định quy hoạch chi tiết Chợ đường biên cửa khẩu Xa Mát	-	15.999.000	-	-	15.999.000
Các công trình khác	24.307.650	305.423.877	(205.028.242)	-	124.703.285
Cộng	1.162.637.400	1.706.126.367	(984.432.604)	(186.266.500)	1.698.064.663

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh ⁽ⁱ⁾	35.000	801.668.360	35.000	2.873.495.557
Công ty cổ phần gạch ngói Tây Ninh ⁽ⁱⁱ⁾	33.722	4.149.870.636	33.722	4.127.686.944
Cộng		4.951.538.996		7.001.182.501

⁽ⁱ⁾ Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 20.000 cổ phiếu, tương đương 20,0 % vốn điều lệ của Công ty cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh (số đầu năm là 20.000 cổ phiếu, tương đương 20,0 % vốn điều lệ).

⁽ⁱⁱ⁾ Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 33.722 cổ phiếu, tương đương 36,3 % vốn điều lệ của Công ty cổ phần gạch ngói Tây Ninh (số đầu năm là 33.722 cổ phiếu, tương đương 36,3 % vốn điều lệ).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh	2.873.495.557	(2.071.827.197)	-	801.668.360
Công ty cổ phần gạch ngói Tây Ninh	4.127.686.944	359.403.692	(337.220.000)	4.149.870.636
Cộng	7.001.182.501	(1.712.423.505)	(337.220.000)	4.951.538.996

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số phân bổ trong năm	Số cuối năm
Chi phí thuê đất	26.683.329	-	(11.750.004)	14.933.325
Chi phí sửa chữa, bảo trì	251.271.780	-	(250.915.979)	355.801
Công cụ, dụng cụ	1.124.344.407	1.731.317.476	(404.472.273)	2.451.189.610
Cộng	1.402.299.516	1.731.317.476	(667.138.256)	2.466.478.736

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	188.712.120	126.071.897
Phát sinh trong năm	569.968.575	62.640.223
Số cuối năm	758.680.695	188.712.120

15. Phải trả người bán

Phải trả các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	212.233.822	7.011.751.213	(6.941.430.308)	282.554.727
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	91.506.353	(91.506.353)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	116.685.954	(116.685.954)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.956.729.648	18.638.195.644	(14.402.693.160)	10.192.232.132
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(537.549.784)	742.642.256	(397.800.146)	(192.707.674)
Tiền thuê đất	1.826.539	103.643.100	(105.469.639)	-
Thuế khác	55.978.456	171.626.941	(203.081.033)	24.524.364
Cộng	5.689.218.681	26.876.051.461	(22.258.666.593)	10.306.603.549

(*) Các khoản thuế nộp thừa trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh V.7).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	68.152.366.071	44.109.468.888
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	(1.123.474.231)	(1.230.691.008)
- Các khoản điều chỉnh giảm	396.159.621	183.507.844
Thu nhập chịu thuế	(1.519.633.852)	(1.414.198.852)
Thu nhập được miễn thuế	67.028.891.840	42.878.777.880
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	67.028.891.840	42.878.777.880
	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.757.222.960	10.719.694.470
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	1.880.972.684	-
Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	18.638.195.644	10.719.694.470

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương trích theo quỹ lương được giao nhưng chưa chi trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí khoán cho phòng kinh doanh	121.622.921	187.730.349
Các chi phí khác	542.497.468	331.283.726
Cộng	664.120.389	519.014.075

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	2.953.000.000	-
Tiền thế chấp vỡ chai	4.297.772.990	4.976.350.032
Phải trả khác	219.858.494	710.160.761
Cộng	7.470.631.484	5.686.510.793

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	1.118.802.613
Số trích trong năm	4.449.226.940
Số chi trong năm	(4.371.656.522)
Số cuối năm	1.196.373.031

21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.164.219.279
Số trích lập trong năm	214.889.641
Số chi trong năm	(87.571.450)
Số cuối năm	1.291.537.470

22. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	45.702.089.498	106.346	14.601.446.696	1.071.881.755	20.262.298.537	81.637.822.832
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	18.021.949.385	18.021.949.385
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(228.510.500)	(228.510.500)
Trích quỹ trong năm trước	-	-	15.393.270.139	2.777.392.758	(20.815.179.529)	(2.644.516.632)
Chi khác trong năm trước	-	-	-	-	(172.690.839)	(172.690.839)
Giảm khác trong năm	-	880.877	(8.152.600.000)	-	-	(8.151.719.123)
Số dư cuối năm trước	45.702.089.498	987.223	21.842.116.835	3.849.274.513	17.067.867.054	88.462.335.123
Số dư đầu năm nay	45.702.089.498	987.223	21.842.116.835	3.849.274.513	17.067.867.054	88.462.335.123
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	28.028.273.283	28.028.273.283
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(4.570.210.000)	(4.570.210.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	4.880.746.191	1.915.032.032	(11.245.005.163)	(4.449.226.940)
Các khoản khác	-	(987.223)	(1.880.976.892)	(198.931.497)	(556.327.397)	(2.637.223.009)
Số dư cuối năm nay	45.702.089.498	-	24.841.886.134	5.565.375.048	28.724.597.777	104.833.948.457

Cổ tức

Cổ tức đã chia trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	4.570.210.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	-
Cộng	4.570.210.000

Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.570.209	4.570.209
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	4.570.209	4.570.209
<i>Cổ phiếu thường</i>	4.570.209	4.570.209

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.209	4.570.209
<i>Cổ phiếu thường</i>	4.570.209	4.570.209
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	179.020.899.254	148.603.721.821
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	95.338.371.154	78.654.500.515
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	83.682.528.100	69.949.221.306
Các khoản giảm trừ doanh thu	(252.823.426)	(215.338.112)
Doanh thu thuần	178.768.075.828	148.388.383.709

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	91.139.350.729	73.108.026.230
Giá vốn dịch vụ	12.621.148.971	11.008.044.465
Doanh thu thuần	103.760.499.700	84.116.070.695

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	19.563.262.922	11.404.604.431
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	205.941.330	143.200.000
Cổ tức được chia	1.679.380.000	739.493.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.263.491	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	433.720.136	1.073.432.203
Cộng	21.890.567.879	13.360.729.634

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	93.384.277	74.105.329
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư	636.182.504	-
Chi phí khác	25.000.000	-
Cộng	754.566.781	74.105.329



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	12.560.052.371	13.021.023.460
Chi phí công cụ dụng cụ	784.520.513	412.186.394
Chi phí khấu hao	679.605.651	1.518.619.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.522.353.389	1.563.457.028
Chi phí bằng tiền khác	4.492.002.372	7.377.148.945
Cộng	<u>20.038.534.296</u>	<u>23.892.435.581</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	6.617.035.236	7.103.941.888
Chi phí công cụ	84.545.166	196.336.119
Chi phí khấu hao	68.515.365	116.320.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.076.337.293	514.782.455
Chi phí bằng tiền khác	2.981.949.758	2.869.501.067
Cộng	<u>10.828.382.818</u>	<u>10.800.881.776</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền nhượng bán thanh lý tài sản cố định	6.934.870.786	139.995.455
Thu nhập khác	1.117.599.097	189.226.126
Cộng	<u>8.052.469.883</u>	<u>329.221.581</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản nhượng bán thanh lý	3.627.260.006	-
Chi phí khác	473.262.917	45.626.237
Cộng	<u>4.100.522.923</u>	<u>45.626.237</u>

9. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty CP Gạch ngói Tây Ninh	359.403.692	960.253.582
Công ty Cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh	(2.071.827.197)	-
Cộng	<u>(1.712.423.505)</u>	<u>960.253.582</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	28.028.273.282	18.021.949.385
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	4.570.209	4.570.209
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>6.133</u>	<u>3.943</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.570.209	4.570.209
Cổ phiếu phổ thông phát hành thêm trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>4.570.209</u>	<u>4.570.209</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.177.087,607	20.124.965.348
Chi phí nhân công	869.065.679	608.522.513
Chi phí khấu hao tài TSCĐ	1.378.875.498	2.101.482.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.598.690.682	2.078.239.483
Các chi phí khác	6.843.197.648	9.780.107.760
Cộng	<u>30.866.917.114</u>	<u>34.693.317.357</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Áp dụng qui định kế toán mới**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Tập đoàn cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.4 đến VII.7 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Tập đoàn phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn do Tập đoàn chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	593.999.940	530.357.089
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	38.037.240	33.961.821
Cộng	<u>632.037.180</u>	<u>564.318.910</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh	Công ty liên kết
Công ty cổ phần gạch ngói Tây Ninh	Công ty liên kết
Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh	Cổ đông sáng lập chiếm 77,4% vốn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần gạch ngói Tây Ninh		
Tiền thu cổ tức	337.220.000	196.476.000
Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh		
Cổ tức đã trả	3.537.342.540	3.007.514.772

3. Các sai sót

Trong năm trước số dư các khoản đầu tư của Công ty cổ phần cáp treo núi Bà Tây Ninh vào Công ty cổ phần khách sạn Hòa Bình và Công ty cổ phần khách sạn Hòa Bình Tây Ninh vào Công ty cổ phần lữ hành Tây Ninh chưa được điều chỉnh giảm toàn bộ trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà phần vốn đầu tư giữa các công ty này được điều chỉnh vào chỉ tiêu Lợi ích cổ đông thiểu số trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Số liệu đầu năm của các khoản đầu tư này đã được điều chỉnh hồi tố cho phù hợp.

Ngoài ra trong năm trước khoản các đầu tư vào Công ty cổ phần gạch ngói Tây Ninh và Công ty cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh của các công ty con vẫn còn trình bày ở chỉ tiêu Đầu tư dài hạn khác thay vì phải phân loại trình bày ở chỉ tiêu Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Số liệu đầu năm của các chỉ tiêu này năm nay đã được phân loại lại cho phù hợp.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	<u>Mã số</u>	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước		<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>	<u>Ghi chú</u>
		<u>Các điều chỉnh</u>			
Bảng cân đối kế toán					
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.501.182.501	1.500.000.000	7.001.182.501	(i)
Đầu tư dài hạn khác	258	1.776.139.596	(1.726.739.596)	50.000.000	(ii)
Lợi ích cổ đông thiểu số	439	54.143.480.372	(226.739.596)	53.916.740.776	(iii)

(i) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tăng do phân loại khoản đầu tư của Công ty cổ phần cáp treo núi Bà Tây Ninh vào Công ty cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh từ chỉ tiêu Đầu tư dài hạn khác sang chỉ tiêu Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**(ii) Đầu tư dài hạn khác**

Giám đốc điều chỉnh giảm toàn bộ giá trị các khoản đầu tư của Công ty cổ phần cáp treo núi Bà Tây Ninh vào Công ty cổ phần khách sạn Hòa Bình và Công ty cổ phần khách sạn Hòa Bình Tây Ninh vào Công ty cổ phần lữ hành Tây Ninh và phân loại khoản đầu tư của Công ty cổ phần cáp treo núi Bà Tây Ninh vào Công ty cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh từ chỉ tiêu Đầu tư dài hạn khác sang chỉ tiêu Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh.

(iii) Lợi ích cổ đông thiểu số

Giám đốc điều chỉnh giảm phần vốn đầu tư giữa các công ty con trong Tập đoàn mà năm trước đã điều chỉnh nhằm vào chỉ tiêu này thay vì phải điều chỉnh vào chỉ tiêu Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh.

4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bán hàng hóa: các loại bia, nước ngọt
- Lĩnh vực dịch vụ: cung cấp các dịch vụ du lịch

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực bán hàng hóa</u>	<u>Lĩnh vực cung cấp dịch vụ</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	95.085.547.728	83.682.528.100	178.768.075.828
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	95.085.547.728	95.085.547.728	178.768.075.828
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.946.196.999	71.061.379.129	75.007.576.128
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(30.866.917.114)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			44.140.659.014
Doanh thu hoạt động tài chính			21.890.567.879
Chi phí tài chính			(754.566.781)
Thu nhập khác			8.052.469.883
Chi phí khác			(4.100.522.923)
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh			(1.076.241.001)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(16.757.222.960)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			569.968.575
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			51.965.111.685

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Địa chỉ: số 436B, Đường 30/4, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	78.654.500.515	69.733.883.194	148.388.383.709
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.654.500.515	69.733.883.194	148.388.383.709
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.546.474.285	58.725.838.729	64.272.313.014
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(34.693.317.357)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			29.578.995.657
Doanh thu hoạt động tài chính			13.360.729.634
Chi phí tài chính			(74.105.329)
Thu nhập khác			329.221.581
Chi phí khác			(45.626.237)
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh			960.253.582
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			10.719.694.470
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(62.640.223)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			33.452.414.641

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	162.329.962.168	21.040.834.316	162.329.962.168	21.040.834.316
Phải thu khách hàng	1.187.041.491	3.229.539.053	1.187.041.491	3.183.639.053
Các khoản phải thu khác	5.056.023.932	6.032.775.787	5.056.023.932	6.032.775.787
Cộng	168.573.027.591	30.303.149.156	168.573.027.591	30.257.249.156
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	1.473.095.714	2.242.857.444	1.473.095.714	2.242.857.444
Chi phí phải trả	664.120.389	519.014.075	664.120.389	519.014.075
Phải trả người lao động	4.561.771.712	6.480.968.260	4.561.771.712	6.480.968.260
Các khoản phải trả khác	7.470.631.484	5.686.510.793	7.470.631.484	5.686.510.793
Các khoản phải trả khác dài hạn	125.000.000	84.450.000	125.000.000	84.450.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.291.537.470	1.164.219.279	1.291.537.470	1.164.219.279
Cộng	15.586.156.769	16.178.019.851	15.586.156.769	16.178.019.851

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	1.473.095.714	-	-	1.473.095.714
Chi phí phải trả	664.120.389	-	-	664.120.389
Phải trả người lao động	4.561.771.712	-	-	4.561.771.712
Các khoản phải trả khác	7.470.631.484	-	-	7.470.631.484
Các khoản phải trả khác dài hạn	-	125.000.000	-	125.000.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	1.291.537.470	-	1.291.537.470
Cộng	14.169.619.299	1.416.537.470	-	15.586.156.769
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	2.242.857.444	-	-	2.242.857.444
Chi phí phải trả	519.014.075	-	-	519.014.075
Phải trả người lao động	6.480.968.260	-	-	6.480.968.260
Các khoản phải trả khác	5.686.510.793	-	-	5.686.510.793
Các khoản phải trả khác dài hạn	-	84.450.000	-	84.450.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	1.164.219.279	-	1.164.219.279
Cộng	14.929.350.572	1.248.669.279	-	16.178.019.851

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua bán hàng hóa dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay.


Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.



Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Tây Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2012



Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng

Lê Hữu Phước
Tổng Giám đốc